



SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878
Ngày phát hành: 28/10/2013 Ngày sửa đổi: 27/03/2025 Phiên bản: 4.0

MỤC 1: Thông tin về chất/hỗn hợp chất và về công ty/doanh nghiệp

1.1. Nhận dạng sản phẩm

Hình thức sản phẩm	: Hỗn hợp
Tên sản phẩm	: SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE
Mã sản phẩm	: 07300
Loại sản phẩm	: Use in lubricants
Phân nhóm sản phẩm	: Pha trộn
Các phương tiện xác nhận khác	: Không được sử dụng sản phẩm này trong các ứng dụng khác với các ứng dụng được khuyến nghị trong Phần 1.2.1 mà không hỏi ý kiến của nhà cung cấp trước.

1.2. Ứng dụng thích hợp của chất hay hỗn hợp chất và các ứng dụng không được khuyến cáo

Ứng dụng thích hợp

Dành cho công chúng rộng rãi	
Phân loại sử dụng cơ bản	: Tiêu dùng
Spec. ứng dụng công nghiệp/chuyên dụng	: Công nghiệp
Ứng dụng của chất/hỗn hợp chất	: Lubricant

1.3. Thông tin về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Nhà cung cấp

Scottoiler (Scotland) Ltd.
2, Riverside
Milngavie
G62 6PL Glasgow
T +44 (0)141 955 1100 (9am-5pm Mon-Fri except Bank Holidays) (9 Uhr - 17 Uhr Mo - Fr außer an Feiertagen)
technical@scottoiler.com

Nhà phân phối

EU Authorised Representative
ROCK OIL (Germany)
Bahnstr. 90
55239 Gau-Odernheim
Germany
techde@scottoiler.com

1.4. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp	: +44 (0)141 955 1100 (9am-5pm Mon-Fri except Bank Holidays) (9 Uhr - 17 Uhr Mo - Fr außer an Feiertagen)
-------------	---

MỤC 2: Nhận dạng nguy hiểm

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo quyết định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Không phân loại

Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường

Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.

2.2. Nội dung nhãn

Ghi nhãn theo đúng quyết định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Thông báo phòng ngừa (CLP)	: P102 - Bảo quản tránh xa tầm tay của trẻ em.
Khóa an toàn cho trẻ em	: Không áp dụng được
Dấu hiệu nguy hiểm nhận biết khi sờ	: Không áp dụng được

2.3. Các mối nguy hiểm khác

Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại	: None under normal conditions.
--	---------------------------------

Contains no PBT and/or vPvB substances $\geq 0.1\%$ assessed in accordance with REACH Annex XIII

Hỗn hợp không chứa (các) chất có trong danh mục được lập theo Điều 59(1) của quy định về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH) vì có các tính chất gây rối loạn nội tiết, hoặc (các) chất không được nhận biết là có các tính chất gây rối loạn nội tiết theo tiêu chí trong Quy định Ủy quyền của Ủy ban (EU) 2017/2100 hoặc Quy định Ủy ban (EU) 2018/605 ở nồng độ bằng hoặc lớn hơn 0,1 %

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.2. Hỗn hợp chất

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo quyết định (EC) số 1272/2008 [CLP]
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy naphthenic	Số CAS: 64742-52-5 Số EC: 265-155-0	35 – 50	Asp. Tox. 1, H304

Toàn bộ nội dung của các tuyên bố H- và EUH (Mối Nguy hại Châu Âu): xem mục 16

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Biện pháp sơ cứu

- Sơ cứu tổng quát
- : Không bao giờ cho bất cứ chất gì vào miệng của một người đang bất tỉnh. Trong trường hợp choáng váng, tham khảo ngay ý kiến bác sĩ (cho bác sĩ xem nhãn hàng nếu có thể).
- Sơ cứu trong trường hợp hít phải
- : Cho hít thở không khí thoáng mát. Đặt nạn nhân nằm nghỉ.
- Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da
- : Tháo bỏ quần áo bị dính sản phẩm và vệ sinh các phần da bị ảnh hưởng với xà phòng và nước, sau đó rửa lại bằng nước nóng.
- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt
- : Rửa ngay với nhiều nước. Nếu cơn đau và mẩn đỏ vẫn kéo dài, cần đến gặp bác sĩ.
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải
- : Enjuagarse la boca. KHÔNG cố làm nôn. Đến gặp bác sĩ một cách khẩn cấp.

4.2. Các triệu chứng và tác dụng chính, cấp tính và trì hoãn

- Triệu chứng/tác dụng
- : Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Phương tiện cứu hỏa

- Chất chữa cháy thích hợp
- : Bột. Bột khô. Cacbon đioxit. Nước phun. Cát.
- Tác nhân tiêu hủy không tương ứng
- : Không sử dụng dòng nước mạnh.

5.2. Nguy hiểm đặc biệt từ chất hay hỗn hợp chất

- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn
- : Cacbon monoxit. Cacbon đioxit. Khí.

5.3. Khuyến cáo cho nhân viên cứu hỏa

- Hướng dẫn cứu hỏa
- : Làm nguội thùng chứa bị ảnh hưởng bằng nước phun hay màng nước. Cần trọng trong quá trình dập hỏa hỏa hoạn hóa học. Tránh không cho nước sử dụng vào việc dập lửa làm nhiễm độc môi trường.
- Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn
- : Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp.

MỤC 6: Biện pháp xử lý trong trường hợp đổ tràn

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- Thiết bị bảo hộ
- : Avoid contact with skin and eyes.
- Biện pháp cấp cứu
- : Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài.

Dành cho cứu hộ viên

- Thiết bị bảo hộ
- : Cung cấp thiết bị bảo hộ thích hợp cho nhân viên làm vệ sinh.
- Biện pháp cấp cứu
- : Thông gió cả khu vực.

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Không cho xâm nhập vào cống rãnh và nước sinh hoạt. Thông báo cho cấp chính quyền nếu dung dịch xâm nhập vào hệ thống cống thoát hay nguồn nước công cộng.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Quy trình làm sạch : Thu hồi sản phẩm bị đổ một cách nhanh chóng bằng các vật liệu rắn trơ như đất sét và tảo cát. Thu hồi sản phẩm bị vương đổ. Kho trữ tránh xa các vật liệu khác.

6.4. Tham khảo tại các mục khác

Xem Mục 8. Kiểm soát độ phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Rửa tay và khu vực bị phơi nhiễm với xà phòng nhẹ và nước, trước khi ăn, uống, hút thuốc và trước khi rời khỏi nơi làm việc. Đảm bảo việc thông hút tốt tại nơi làm việc nhằm tránh việc tạo hơi.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Giữ bao bì chứa đóng khi không sử dụng. Bảo vệ tránh khỏi hơi ẩm. Chỉ bảo quản trong thùng chứa nguyên gốc. Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.

Sản phẩm không tương hợp : Chất oxi hóa. Axit mạnh. Bazơ mạnh.

Chất không tương hợp : Nguồn gây cháy. Tia mặt trời trực tiếp.

Nhiệt độ lưu trữ : 0 – 40 °C

7.3. Ứng dụng đặc biệt cuối cùng

Lubricant oil.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát tính nổ

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định:

Ensure exposure is below occupational exposure limits (where available).

Thiết bị bảo vệ cá nhân

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân:

Tránh mọi việc phơi nhiễm không cần thiết. Găng tay. In case of splash hazard: safety glasses.

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân:



Bảo vệ mắt và mặt

Bảo vệ mắt:

Trong trường hợp có nguy cơ chất lỏng văng bắn : Safety glasses

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

Bảo vệ da

Bảo vệ tay:

Trường hợp có thể xảy ra tiếp xúc bằng tay với sản phẩm, việc sử dụng găng tay đã được phê duyệt theo các tiêu chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN374, US: F739) được làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ chống hóa chất phù hợp. Găng tay cao su PVC, neoprene hoặc nitrile Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ: tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ khéo léo. Luôn luôn tìm kiếm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. găng tay bị nhiễm phải được thay thế. Vệ sinh cá nhân là yếu tố quan trọng để chăm sóc bàn tay hiệu quả. Găng tay chỉ được đeo trên bàn sạch sẽ. Sau khi sử dụng găng tay, tay cần được rửa sạch và lau khô. Nên thoa kem dưỡng ẩm không mùi. Để tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng găng tay có thời gian đột phá hơn 240 phút, ưu tiên hơn 480 phút khi có thể xác định được găng tay phù hợp. Đối với khả năng bảo vệ ngắn hạn / chống tia nước, chúng tôi khuyến nghị như vậy, nhưng lưu ý rằng găng tay phù hợp cung cấp mức bảo vệ này có thể không khả dụng và trong trường hợp này, thời gian đột phá thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân thủ các chế độ bảo dưỡng và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là một yếu tố dự báo tốt về khả năng chống lại hóa chất của găng tay vì nó phụ thuộc vào thành phần chính xác của vật liệu làm găng tay. Độ dày của găng tay thường phải lớn hơn 0,35 mm tùy thuộc vào loại găng tay và kiểu dáng.

Mối nguy hiểm về nhiệt

Phòng chống các nguy cơ về nhiệt:

Không áp dụng riêng.

Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường

Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường:

MỤC 6.

Các thông tin khác:

Không ăn, uống và không hút thuốc khi thao tác.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học chủ đạo

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Màu sắc	: màu đỏ.
Hình dạng	: Chất lỏng.
Mùi đặc trưng	: mùi đặc trưng.
Ngưỡng mùi	: Không có
Điểm nóng chảy	: Không có
Điểm đông đặc	: Không có
Điểm sôi	: > 280 °C IBP
Tính dễ bắt lửa	: Không bắt lửa
Đặc tính nổ	: Không phân loại.
Tính chất gây cháy	: Không phân loại.
Giới hạn nổ dưới	: Không có
Giới hạn nổ trên	: Không có
Điểm cháy	: > 210 °C PMCC
Nhiệt độ tự cháy	: > 320 °C
Nhiệt độ phân hủy	: Không có
pH	: Không phân loại
Độ nhớt, động học	: 190 mm²/s @40°C
Độ hòa tan	: Insoluble in water. Hòa tan trong các hydrocacbon béo.
Partition coefficient n-octanol/water (Log Kow)	: Không có
Áp suất hóa hơi	: < 0.5 kPa @ 20°C
Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: Không có
Mật độ tương đối	: 0.87 kg/l @ 15°C
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có
Đặc điểm hạt	: Không áp dụng được

9.2. Các thông tin khác

Các đặc điểm an toàn khác

Lượng VOC : 0 %

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

No reactivity hazard other than the effects described in sub-sections below.

10.2. Tính ổn định hóa học

Không thực hiện.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không thực hiện.

10.4. Điều kiện cần tránh

Tia mặt trời trực tiếp. Nhiệt độ rất cao hoặc rất thấp.

10.5. Chất không tương hợp

Chất oxi hóa. Axit mạnh. Bazơ mạnh.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

khói. Cacbon monoxit. Cacbon đioxit.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Thông tin về các cấp nguy hiểm như được định nghĩa trong Quy định (EC) số 1272/2008

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại
	pH: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại
	pH: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại
Thông tin bổ sung	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Độ nhớt, động học	190 mm ² /s @40°C
-------------------	------------------------------

11.2. Thông tin về các môi nguy hiểm khác

Các thông tin khác

Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra	: Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng
--	---

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Độ độc thủy sinh cấp tính	: Không phân loại
Độ độc thủy sinh kinh niên	: Không phân loại

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không thực hiện.
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy naphthenic (64742-52-5)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Có thể phân hủy nhanh

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE	
Khả năng tích lũy sinh học	Không thực hiện.

12.4. Tính lưu động dưới đất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE	
Kết quả đánh giá PBT	Không được phân loại là PBT hoặc vPvB.

12.6. Các tính chất gây rối loạn nội tiết

Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.7. Các tác dụng có hại khác

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE	
Các thông tin khác	Tránh thải ra môi trường.

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Phương pháp xử lý chất thải

Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Tiêu hủy theo đúng quy định an toàn tại địa phương/quốc gia đang hiện hành.
Ecological waste information	: Tránh thải ra môi trường.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với ADR / IMDG / IATA / ADN / RID

14.1. Số UN hoặc số ID

Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.

14.2. Tên mã UN

Công ty vận chuyển (ADR)	: Không áp dụng được
Công ty vận chuyển (IMDG)	: Không áp dụng được
Công ty vận chuyển (IATA)	: Không áp dụng được

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

Công ty vận chuyển (ADN) : Không áp dụng được
Công ty vận chuyển (RID) : Không áp dụng được

14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển

ADR
Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (ADR) : Không áp dụng được

IMDG
Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (IMDG) : Không áp dụng được

IATA
Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (IATA) : Không áp dụng được

ADN
Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (ADN) : Không áp dụng được

RID
Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (RID) : Không áp dụng được

14.4. Phân nhóm đóng gói

Phân nhóm đóng gói (ADR) : Không áp dụng được
Phân nhóm đóng gói (IMDG) : Không áp dụng được
Nhóm đóng gói (IATA) : Không áp dụng được
Nhóm đóng gói (ADN) : Không áp dụng được
Phân nhóm đóng gói (RID) : Không áp dụng được

14.5. Nguy cơ môi trường

Các thông tin khác : Không có thông tin bổ sung

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

Vận chuyển bằng đường bộ
Không có thông tin

Vận chuyển đường biển
Không có thông tin

Vận chuyển đường hàng không
Không có thông tin

Vận chuyển bằng đường thủy
Không có thông tin

Vận chuyển đường tàu hỏa
Không có thông tin

14.7. Vận tải biển hàng rời theo các văn kiện IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Quy định EU

REACH (Quy định Liên minh Châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất) Phụ lục XVII (Danh mục Hạn chế)

Không chứa (các) chất liệt kê trên Phụ lục XVII (Các Điều kiện Hạn chế) của REACH (Quy định Liên minh Châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất)

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

REACH (Quy định Liên minh Châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất) Phụ lục XIV (Danh sách Cấp phép)

Không chứa (các) chất liệt kê trên Phụ lục XIV (Danh sách Cấp phép) của REACH (Quy định Liên minh Châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất)

Danh mục Ứng viên REACH (Quy định Liên minh Châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất) (SVHC: Chất Có Mối quan ngại Rất cao)

Không chứa (các) chất liệt kê trên Danh sách Ứng viên của REACH (Quy định Liên minh Châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất)

Quy định PIC (Đồng thuận được thông báo trước)

Không chứa (các) chất liệt kê trên danh mục PIC (Đồng thuận được Thông báo Trước) (Quy định Liên minh Châu Âu 649/2012 liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu hóa chất nguy hiểm)

Quy định POP (Các Chất Ô nhiễm Hữu cơ Khó phân hủy)

Không chứa (các) chất liệt kê trên danh sách POP (các Chất ô nhiễm Hữu cơ Khó phân hủy) (Quy định Liên minh Châu Âu EU 1918/2006 về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy)

Ozone Regulation (2024/590)

Contains no substance(s) listed on the Ozone Depletion list (Regulation EU 2024/590 on substances that deplete the ozone layer)

Quy định (các mặt hàng) Lưỡng dụng (428/2009)

Contains no substance subject to the COUNCIL REGULATION (EC) for the control of dual-use items

Chỉ thị VOC (Hợp chất Hữu cơ Dễ Bay hơi) (2004/42)

Lượng VOC : 0 %

Quy định Tiền chất Thuốc nổ (2019/1148)

Không chứa (các) chất liệt kê trên danh sách các Tiền chất Thuốc nổ (Quy định EU 2019/1148 về tiếp thị và sử dụng các tiền chất thuốc nổ)

Quy định Tiền chất Ma túy (273/2004)

Không chứa (các) chất liệt kê trên danh sách các Tiền chất Ma túy (Quy định Liên minh Châu Âu 273/2004 về sản xuất và đưa ra thị trường một số chất được sử dụng trong sản xuất trái phép thuốc gây nghiện và các chất hướng thần)

Quy định quốc gia

Đức

Chỉ thị Mức độ Nguy hiểm của Nước (WGK) : Cấp Nguy hại cho Nước 2, nguy hại đối với môi trường nước (Phân loại theo AwSV, Phụ lục 1).
Pháp lệnh Hạn chế Phát thải Hydrocacbon Halogen hóa Bay hơi Cao (12. BImSchV: Pháp lệnh về Thực hiện Luật Phòng Chống Ô nhiễm Liên bang Đức) : Không thuộc đối tượng của Pháp lệnh Hạn chế Phát thải Hydrocacbon Halogen hóa Bay hơi Cao (12. BImSchV: Pháp lệnh về Thực hiện Luật Phòng Chống Ô nhiễm Liên bang Đức)
Lượng VOC : 0 %

Hà Lan

SZW-lijst van kankerverwekkende stoffen : Distillates (petroleum), hydrotreated heavy naphthenic được liệt kê
SZW-lijst van mutagene stoffen : Distillates (petroleum), hydrotreated heavy naphthenic được liệt kê
SZW-lijst van reprotoxische stoffen – Borstvoeding : Không có thành phần nào được liệt kê
SZW-lijst van reprotoxische stoffen – Vruchtbaarheid : Không có thành phần nào được liệt kê
SZW-lijst van reprotoxische stoffen – Ontwikkeling : Không có thành phần nào được liệt kê

Vương quốc Đan Mạch

Các Quy định Quốc gia của Đan Mạch : Phụ nữ có thai/cho con bú sử dụng sản phẩm cần chú ý không tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm

SCOTTOIL HIGH TEMPERATURE

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the REACH Regulation (EC) 1907/2006 amended by Regulation (EU) 2020/878

Ba Lan

Các Quy định Quốc gia của Ba Lan : Đạo luật ngày 25 tháng 2 năm 2011 về các chất hóa học và hỗn hợp của các chất hóa học (J. o L. số 63, mục 322 đã được sửa đổi).
Đạo luật ngày 14 tháng 12 năm 2012 về Chất thải (J. o L. 2013, mục 322 đã được sửa đổi).
Công bố của Chủ tịch Hạ viện Cộng hòa Ba Lan ngày 19 tháng 10 năm 2016 về công bố văn bản hợp nhất của lệnh về quản lý bao bì và chất thải bao bì (J. o L. 2016, mục 1863 đã được sửa đổi).
Lệnh của Bộ trưởng Môi trường ngày 14 tháng 12 năm 2014 về danh mục chất thải (J. o L. 2014, mục 1923).
Đạo luật ngày 19 tháng 8 năm 2011 về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm (J. o L. 2011 số 227, mục 1367 đã được sửa đổi; văn bản hợp nhất J. o L. 2019, mục 382).
Quy định của Bộ trưởng Gia đình, Lao động và Chính sách Xã hội ngày 12 tháng 6 năm 2018 về nồng độ cho phép cao nhất và mức độ các chất độc hại cho sức khỏe tại môi trường làm việc (J. o L. ngày 3 tháng 7 năm 2018, mục 1286).
Công bố của Bộ trưởng Y tế ngày 9 tháng 9 năm 2016 về công bố văn bản hợp nhất lệnh của Bộ trưởng Y tế ngày 30 tháng 12 năm 2004 về sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc liên quan đến phơi nhiễm các chất hóa học tại nơi làm việc (J. o L. ngày 16 tháng 9 năm 2016, mục 1488)
Quy định của Bộ trưởng Y tế ngày 2 tháng 2 năm 2011 về các xét nghiệm và đo lường các chất độc hại cho sức khỏe tại môi trường làm việc (J. o L. Số 33, mục 166).
Quy định của Bộ trưởng Môi trường ngày 9 tháng 12 năm 2003 về các chất đặc biệt độc hại cho môi trường (J. o L. Số 217, mục 2141).

15.2. Số chỉ thị an toàn hóa học

Chưa được đánh giá an toàn hóa học

MỤC 16: Các thông tin khác

Nguồn dữ liệu : QUY ĐỊNH (EC) Số 1272/2008 CỦA HỘI ĐỒNG CÁC BỘ TRƯỞNG VÀ NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU ngày 16 tháng 12 năm 2008, liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và đóng gói các chất và hỗn hợp, chỉnh sửa và bãi bỏ chỉ thị 67/548/EEC và 1999/45/EC và chỉnh sửa Quy định (EC) Số 1907/2006.

Các thông tin khác : Không có.

Bản văn các câu H và EUH:	
Asp. Tox. 1	Nguy hiểm hô hấp, Nhóm 1
H304	Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc nếu hít vào đường hô hấp.

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), EU (Liên minh Châu Âu)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.